

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT

Ngày: 30/6/2023

V/v tranh chấp Đòi lại quyền sử
dụng đất, yêu cầu hủy quyết định
giao đất và hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;
Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/6/2023 và 30/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-DS ngày 12/01/2023, về việc “Tranh chấp Đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định giao đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D; Sinh ngày: 01/01/1957; Địa chỉ cư trú: Số A, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng A; Sinh năm: 1952; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Trần Trung T; Sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Số B, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T:
Ông Lý Bình Đ; Sinh năm: 1977; Địa chỉ cư trú: Số X, đường Nguyễn Văn L,

Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/4/2023. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ trụ sở: Ấp Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Người đại diện hợp pháp: Bà Lâm Khánh P-Phó Trưởng Phòng Tài nguyên-Môi trường huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Theo Giấy ủy quyền số 33/GUQ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ngân hàng N; Địa chỉ trụ sở chính: Số B, LH, phường T, quận B, Hà Nội; Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Ngọc T-Phó Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Theo Quyết định số 2665/QĐNHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N, về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và Giấy ủy quyền số 500/GUQ-NHNNoCT ngày 28/6/2023 của Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn L; Sinh ngày: 01/01/1986; Địa chỉ cư trú: Số XX Khu vực A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn H; Sinh ngày: 01/01/1997; Địa chỉ cư trú: Số A, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thu T; Sinh năm: 01/01/2002; Địa chỉ cư trú: Số A, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T: Bà Phạm Thị D; Sinh năm: 01/01/1957; Địa chỉ cư trú: Số A, ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; theo các Giấy ủy quyền 08/6/2023. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 29/5/2012, bà Phạm Thị D được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng giao đất theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012, với diện tích 11.002,2 m², loại đất (LNK), thửa đất số 351, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 12/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị D số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090. Khi bà D thuê xe cuốc đến để làm bờ ranh và bờ bao thoát nước nhằm phục vụ cho việc sản xuất thửa đất trên thì bà Nguyễn Thị Hoàng A cùng con trai ông Trần Trung T đến ngăn cản và chiếm thửa đất, không cho bà D canh tác. Sau đó, bà D có tặng cho con là ông Nguyễn Văn L một phần đất thuộc thửa đất trên với diện tích 3.888 m² (là thửa đất 353 tách ra từ thửa 351, tờ bản số 09), còn lại diện tích 7.114,2 m² bị bà A và ông T chiếm không

cho bà D canh tác nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T trả lại diện tích đất 7.114,2m². Trong quá trình giải quyết vụ án, đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ thực tế thì thửa đất số 351, tờ bản số 09, có diện tích là 8460 m². Đến ngày 02/6/2021, bà D khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T trả lại diện tích đất 8.460m², thuộc thửa đất số 351, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

* Theo Đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Nguyễn Thị Hoàng A, Trần Trung T trình bày như sau:

Năm 1945, ông Trần Văn M đến vị trí đất tranh chấp khai hoang trên 100 công đất để sản xuất. Năm 1975, ông M chia đất cho các con, trong đó vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Nguyễn Thị Hoàng A được chia 52 công đất ruộng. Từ trước năm 1975 đến năm 1982, thì ông M và con là ông M1 trực tiếp sản xuất trên đất này. Năm 1982, chính quyền tỉnh Sóc Trăng thành lập Nông trường Mùa Xuân, phần đất của ông M1 không nằm trong Nông trường mà chỉ giáp ranh. Năm 1992, Nông trường đổi tên thành Nông trường Phú Lợi trực thuộc Công ty Lâm nghiệp Sóc Trăng. Năm 1994, Nông trường Phú Lợi giải thể, diện tích đất ruộng qua 02 lần Nông trường, thì gia đình ông Mạo vẫn trực tiếp sản xuất. Khi Nông trường giải thể, thì theo chủ trương của cấp trên là giao toàn bộ đất của Nông trường cho chính quyền địa phương để cấp lại cho dân địa phương sản xuất. Phần đất tranh chấp của gia đình ông M1 sản xuất từ 1975 đến nay, không bị gián đoạn và cũng không vô tập đoàn, không nhận đất từ Nông trường để sản xuất, mà canh tác trên đất này từ đó đến nay. Bà D khởi kiện yêu cầu buộc trả lại diện tích đất thuộc thửa số 351 vì bà D được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng giao đất theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012, với diện tích 11.002,2 m², loại đất (CLN), thửa đất số 351, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà bà Phạm Thị D số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 ngày 12/6/2013. Đối với Quyết định cấp đất cho bà Phạm Thị D thì gia đình bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T hoàn toàn không hay biết, vẫn canh tác bình thường. Về hình thức, nội dung giao đất và trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị D không đúng quy định của Luật Đất đai.

Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D cư trú ấp DL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 cho hộ bà bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013.

* Tại các văn bản trả lời công văn của Tòa án nhân dân huyện C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác định như sau:

Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phạm Thị D đối với thửa đất số

351, tờ bản đồ số 09, diện tích 11.002,2 m², loại đất trồng cây lâu năm, có nguồn gốc được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thu hồi đất nông nghiệp Phân trường Phú Lợi và giao cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý để giao cho hộ ông Nguyễn Văn M (đã chết, chồng bà Phạm Thị D). Việc Ủy ban nhân dân huyện C giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 585677 ngày 12/6/2013 cho hộ bà Phạm Thị D đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, diện tích 11.002,2 m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp DT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký. Việc chênh lệch giữa diện tích thực tế sử dụng và diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây có nhiều nguyên nhân như sai sót trong quá trình đo đạc, tính diện tích trước đây; ranh thửa đất thay đổi trong quá trình sử dụng đất; sai khác số liệu do đo đạc thủ công trước đây và số liệu bằng máy thực tế...Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C không có cơ sở để cung cấp lý do chênh lệch theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện C. Trường hợp diện tích chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Trường hợp đo đạc lại mà ranh giới thửa đất có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phần diện tích chênh lệch nhiều hơn (nếu có) được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, do thửa đất đang tranh chấp và được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết. Sau khi có kết quả giải quyết vụ việc, Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành đúng theo quy định Luật Đất đai hiện hành.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện C lập ngày 11/11/2020 và Sơ đồ trích đo thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 17/11/2020 xác định phần đất tranh chấp giữa các bên đương sự có diện tích là 8.645,5 m² thuộc thửa số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp DT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (trên đất đang trồng lúa). Đến ngày 24/5/2021, Văn phòng đăng ký đất đai huyện C mời các hộ tứ cận xác định ranh lại và xác định diện tích thực tế thửa đất 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp DT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là 8.460 m² (trong đó diện tích hành lang an toàn công trình thủy lợi là 725 m²).

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 34, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 158, 163, 164 và 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 5 Điều 11 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn phản tố của bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 9, diện tích 7.114,2 m² tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T giao trả lại cho bà Phạm Thị D phần đất có diện tích 8.460m² (Trong đó, diện tích trong hành lang an toàn công trình thủy lợi là 725m²), có số đo tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp bờ bao Lâm Trường có số đo 48,76m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 306 có số đo 32,69m + 71,96m; giáp thửa đất số 303 có số đo 16,42m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 352 có số đo 238,96m + 15,86m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 353 có số đo 182,51m + 16,16m.

Trong đó, hộ bà Phạm Thị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.114,2 m², còn lại 1.345,8 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiếp tục tạm giao cho hộ bà D quản lý, sử dụng, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Kèm sơ đồ thửa đất)

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng khác và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 05/10/2022, bị đơn Nguyễn Thị Hoàng A, Trần Trung T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban

nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 9, diện tích 7.114,2 m² tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013.

* Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại thửa đất có tranh chấp. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng lập ngày 17/5/2023 xác định thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng hiện do ông Trần Trung T quản lý, canh tác trồng lúa, ngoài ra trên đất có một số cây bình bát mọc hoang (các bên đương sự xác định cây bình bát mọc hoang không có giá trị).

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn không rút yêu cầu hủy quyết định cá biệt, giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng vị trí thửa đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho hộ bà Phạm Thị D là không phải thửa đất hiện nay các bên đương sự đang tranh chấp.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị D.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giao ban hành quyết định giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Trước khi Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 về việc giao đất cho hộ bà D, thì Ủy ban nhân dân huyện C đã giải quyết khiếu nại đối với gia đình bà A (ông M1), nhưng gia đình bị đơn không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết bác khiếu nại, đồng thời công nhận Quyết định số 04/QĐKN-CTUBND ngày 11/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Các quyết định nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013 là phù hợp và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T trả lại diện tích đất 8.460 m² thuộc thửa đất số 351, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn ông T, bà A là không có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hoàng A và Trần Trung T, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu T vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị D tham dự phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm ngày 05/10/2022 của bị đơn Nguyễn Thị Hoàng A và Trần Trung T là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hoàng A và Trần Trung T, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.114,2 m², tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013:

[4] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013: Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013 có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T nhưng bà Hoàng A và ông T xác định chỉ được biết về hai quyết định hành chính này khi bà Phạm Thị D khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất. Do vụ án này được thụ lý sơ thẩm lần đầu ngày 19/4/2016 theo yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị D và đến ngày 27/7/2016 (sau ngày Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực thi hành) thì bà Hoàng A và ông T mới có yêu cầu hủy hai quyết định cá biệt nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của bà Hoàng Anh và ông Tính về việc hủy hai quyết định nêu trên là yêu cầu phản tố là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong trường hợp này, Tòa án xem xét yêu cầu của bà Hoàng A và ông T theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức.

[5] Về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa các bên đương sự là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (xã H, huyện Mỹ Tú, tỉnh Hậu Giang cũ) là thuộc Nông trường Mùa Xuân do Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) thành lập vào năm 1982. Đến tháng 4/1992, tỉnh Sóc Trăng được tái lập thì phần đất trên thuộc Phân trường Phú Lợi trực thuộc Công ty Lâm nghiệp Sóc Trăng quản lý. Ngày 02/12/1994, ông Trần Văn M1 được chi trả huê lợi cho những hộ dân có công khai phá đất với số tiền là 1.250.000 đồng. Năm 1989, thực hiện chủ trương trả lại đất gốc, ông Trần Văn M (cha ông Trần Văn M1) được khoán lại 30.196,6 m² thuộc thửa đất số 303 và 323, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 19/12/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 2066/QĐHC-CTUBND thu hồi đất của Phân trường Phú Lợi, giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú (nay là huyện C) để giao cho dân sản xuất, ổn định cuộc sống, hộ ông Trần Văn M (là chồng của bà Phạm Thị D, hiện nay ông M đã chết) được giao phần đất thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông M1 ngăn cản việc giao đất và khiếu nại. Tại Quyết định số 04/QĐKN-CTUBND ngày 11/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 40/QĐ/CTUBND ngày 17/5/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã bác khiếu nại của ông Trần Văn M1. Ngày 07/01/2010, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND, về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ Phạm Thị D-ông Nguyễn Văn M (chết) ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C. Diện tích đất giao: 11.002,2m², loại đất LNK, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và ngày 10/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị D. Đến

ngày 29/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND, về việc thu hồi Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2010, về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Lý do: Quyết định giao quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị D có sự nhầm lẫn về địa chỉ thửa đất (ấp ĐT nhưng ghi là ấp ĐL) và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phạm Thị D ngày 10/3/2011. Cùng ngày 29/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND, về việc giao đất cho hộ Phạm Thị D phần đất diện tích 11.002,2m², loại đất LNK, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 6, 10, 32 và khoản 1 Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003.

[6] Về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090 cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng: Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK585677, sổ vào sổ cấp GCN CH01090 cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 37 và khoản 2 Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003.

[7] Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng A và ông T cho rằng vị trí thửa đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho hộ bà Phạm Thị D là không phải thửa đất hiện nay các bên đương sự đang tranh chấp: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện C lập ngày 11/11/2020 và Sơ đồ trích đo thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 17/11/2020 xác định phần đất tranh chấp giữa các bên đương sự có diện tích là 8.645,5 m² thuộc thửa số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (trên đất đang trồng lúa). Đến ngày 24/5/2021, Văn phòng đăng ký đất đai huyện C mời các hộ tứ cận xác định ranh lại và xác định diện tích thực tế thửa đất 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là 8.460 m² (trong đó diện tích hành lang an toàn công trình thủy lợi là 725 m²). Bên cạnh đó, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng lập ngày 17/5/2023 xác định thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng hiện do ông Trần Trung T quản lý, canh tác trồng lúa, ngoài ra trên đất có một số cây bình bát mọc hoang (các bên đương sự xác định cây bình bát mọc hoang không có giá trị). Các tài liệu, chứng cứ trên đều có sự xác nhận của các bên đương sự. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp giữa các bên đương sự là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng hiện bà Hoàng Anh đã giao cho ông Trần Trung T trực tiếp quản lý, canh tác trồng lúa.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà D xác nhận thửa đất số 351 hiện có ranh giới rõ ràng với các thửa đất liền kề và không có tranh chấp ranh giới với người sử dụng đất liền kề. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện C xác định việc chênh lệch diện tích đo đạc thực tế của thửa đất 351 so với diện tích cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhiều nguyên nhân và trường hợp diện tích chênh lệch giữa số liệu đo đạc thực tế với giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Hoàng A và ông T giao trả cho nguyên đơn toàn bộ diện tích thửa đất số 351 theo đo đạc thực tế là 8.460 m² (trong đó diện tích hành lang an toàn công trình thủy lợi là 725 m²) là có căn cứ và phù hợp với quy định của Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục tạm giao cho hộ bà Phạm Thị D quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.345,8 m² là không phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền giao đất, cấp phúc thẩm nêu để rút kinh nghiệm.

[9] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Trần Trung T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Đối với yêu cầu hủy quyết định cá biệt của ông T không phải là yêu cầu phản tố nên ông T không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Hoàng A là người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm là 7.700.000 đồng và do bà D đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà Hoàng A và ông T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 7.700.000 đồng cho bà Phạm Thị D. Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ giai đoạn phúc thẩm là 1.140.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.140.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T, về việc yêu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013.

* Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Các điều 158, 163, 164 và 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T về việc hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị D ngụ ấp ĐL, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090, thửa đất số 351, tờ bản đồ số 9, diện tích 7.114,2 m² tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Phạm Thị D ngày 12/6/2013.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T giao trả lại cho hộ bà Phạm Thị D (do bà Phạm Thị D đại diện) phần đất có diện tích 8.460 m² (Trong đó có diện tích trong hành lang an toàn công trình thủy lợi là 725 m²) thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp bờ bao Lâm Trường có số đo 48,76m;

- Phía Tây giáp thửa đất số 306 có số đo 32,69m + 71,96m và giáp thửa đất số 303 có số đo 16,42m;

- Phía Nam giáp thửa đất số 352 có số đo 238,96m + 15,86m;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 353 có số đo 182,51m + 16,16m.

Trong đó, hộ bà Phạm Thị D đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc

Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK585677, số vào sổ cấp GCN CH01090 ngày 12/6/2013, đối với diện tích đất là 7.114,2 m² thuộc thửa đất số 351, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp ĐT, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; phần diện tích đất còn lại là 1.345,8 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Hộ bà Phạm Thị D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013). (kèm theo sơ đồ thửa đất)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Trung T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002102 ngày 29/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng A được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002103 ngày 29/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tổng cộng là 7.700.000 đồng (bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng) và có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 7.700.000 đồng (bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng) cho bà Phạm Thị D.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

** Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng khác:*

- Bà Nguyễn Thị Hoàng A được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Trung T chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005677 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Trần Trung T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ giai đoạn phúc thẩm là 1.140.000 đồng (một triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.140.000 đồng (một triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng) theo Phiếu thu số 100/GĐ ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

** Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Các đương sự (09 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ